BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ BÌNH NGUYÊN

(Kèm theo Nghị quyết số: 85 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ
1	Đoạn đường từ cổng UBND xã Sơn Lôi (cũ) đến đường gom đi ra đường 36			3.000	1.800	1.200	1.400	1.000	800	1.000	800	650	29	197;617	24	318;11
2	Đoạn đường từ nhà ông Nho đến giáp nhà anh Tiến thương binh thôn Bá Cầu			2.200	1.300	1.000	1.300	800	600	1.000	700	550	23	3	13	689;701
3	Đoạn đường từ hết đất nhà Anh Tiến thương binh (thôn Bá Cầu) đến hết địa phận Sơn Lôi (cũ) giáp Bá Hiến (cũ)			2.200	1.300	1.000	1.600	900	600	1.200	700	550	13	689;701	4	5;23
4	Đường từ cổng UBND xã Sơn Lôi (cũ) đến ngã 3 An Lão - Ngọc Bảo - Ái Văn			2.200	1.300	1.000	1.200	700	600	900	700	550	29	268;252	37	207;224
5	Đoạn từ ngã ba An Lão – Ngọc Bảo đến giáp đường sắt thôn An Lão			1.800	1.400	1.000	1.100	800	700	800	700	550	37	230;226	43	93;68
6	Đường Hương Canh - Sơn Lôi đoạn thuộc địa phận xã Sơn Lôi (cũ)			3.700	2.200	1.500	2.000	1.500	1.000	1.500	1.100	800	29	250;268	28	50;63
7	Đoạn từ NVH cũ thôn Bá Cầu nối ra đường 36 m			1.800	1.400	1.000	1.400	900	700	1.000	700	550	13	268;320	12	117;104
8	Đoạn đường từ ngã 3 An Lão - Ngọc Bảo - Ái Văn đến nhà ông Học thôn Ái Văn			2.200	1.800	1.500	1.400	1.200	1.000	1.000	900	800	36	228;207	37	123;161
9	Đoạn đường từ nhà ông Học thôn Ái Văn đến trạm điều tiết cầu Sắt			2.200	1.800	1.500	1.400	1.200	1.000	1.000	900	800				
10	Đoạn đường từ nhà ông Học thôn Ái Văn đến nhà ông Thuật thôn Ái Văn			2.200	1.800	1.500	1.400	1.200	1.000	1.000	900	800				
11	Đoạn đường từ nhà bà Nhinh đến nhà bà Văn Nho			3.000			2.000			1.500						
12	Đường gom xuyên Á, đoạn từ nhà bà Văn Nho đến nhà ông Kiểm			2.200	1.800	1.500	1.400	1.000	1.000	1.000	800	800				
13	Khu TĐC đường xuyên Á			3.000			2.000			1.500			18	674	18	693
14	Đường 36m (đoạn qua địa phận xã Sơn Lôi cũ)			5.700	3.400	2.300	4.000	2.800	1.500	3.000	2.100	1.200	28	50;63		
15	Khu Đầm Mốt, xã Sơn Lôi (cũ)	Đường 24 m (nhìn ra đường 36 m)		11.200			6.500			4.700			18	153	13	552
		Đường 13,5 m		9.400			4.500			3.400						
		Đường >7,5m		8.500			4.000			2.900			13	665	18	223
16	Khu vực đất dịch vụ, giãn dân, đấu giá QSD đất tại Chín Chuôm - Rộc Mang	Đường 43m		15.000			9.400			7.500			18	490	18	406
		Đường 24m (nhìn ra đường 36 m)		11.200			6.500			4.700						
		Đường < 24m		9.400			4.500			3.400						
17	Đường từ ngã 4 tiếp giáp đường 310B đến cổng UBND xã Sơn Lôi (cũ)			6.500	3.100	1.800	4.600	2.200	1.300	3.200	1.500	900	28	50	29	197
18	Quốc lộ 2A (BOT)	Đoạn thuộc địa phận xã Quất Lưu (cũ)		11.200	5.700	2.500	7.900	5.000	1.800	6.200	4.500	1.300	2	2;12	26	155;149
19	Đoạn đường QL2A cũ	Thuộc địa phận xã Quất Lưu (cũ)		11.200	5.700	2.500	7.900	5.000	1.800	6.200	4.500	1.300	22	75	13	812
20	Tỉnh lộ 302	Thuộc địa phận xã Quất Lưu (cũ)		6.600	4.000	1.700	4.700	3.500	1.100	3.700	2.600	800	10	295	10	7
21	Đường nối từ ngã tư đèn đỏ QL2 (BOT) đến đường tránh Vĩnh Yên (cũ)			6.600	4.000	1.700	4.700	3.500	1.100	3.700	2.600	800				
22	Đường từ QL2 (BOT) đi thôn Núi đến nhà ông Cúc Chí kéo dài tời nhà ông Phương Phiến			4.400	2.600	1.400	3.900	2.400	900	3.100	1.800	700				
23	Đường từ QL2A cũ đi thôn Vái đến nhà ông Đạt Lan kéo dài đến nhà ông Dung Lý			4.400	2.600	1.400	4.300	2.600	900	3.400	2.200	700	21	333	21	144
24	Đường từ tỉnh Lộ 302 đi đến Nhà văn hoá thôn Giữa			4.000	2.400	1.400	3.300	2.200	900	2.600	1.800	700	10	145	9	452
25	Đường từ tỉnh Lộ 302 đi vào Công ty nông sản thực phẩm và bao bì Vĩnh Phúc			4.400	2.600	1.400	3.300	2.500	900	2.600	1.900	700	10	72; 337	10	2
26	Đường từ QL2A (BOT) đi thôn Phổ đến hết nhà ông Nguyên Đà			5.700	3.400	1.400	3.900	3.000	900	3.100	2.400	700	6	344	6	286; 820
27	Đường từ QL2A (BOT) đi thôn Phổ đến hết nhà ông Mị Thuý			5.700	3.400	1.400	3.900	3.000	900	3.100	2.400	700	6	63; 799	6	541; 766
28	Đường từ QL2A (cũ) BOT đi vào cổng C.TCPVLXD Tam Đảo			5.700	3.400	1.400	3.900	3.000	900	3.100	2.400	700	20	219	20	457
29	Đường từ QL2A cũ đi vào khu B UBND huyện Bình Xuyên (cũ)			5.700	3.400	1.400	3.900	3.000	900	3.100	2.400	700	22	79; 80	22	51
30	Đường từ QL2A cũ đi thôn Núi (từ nhà ông Văn Hồng đến nhà bà Chung)			5.700	3.400	1.400	2.600	1.800	900	2.100	1.400	700	13	433; 465	14	76; 635; 438
31	Đường từ đường tránh Vĩnh Yên đi ngã ba nhà ông Phương Bình đến nga ba nhà ông Phương Cầm (thôn trại)			3.000	1.800	1.400	2.000	1.100	900	1.600	900	700	18	249		
32	Đường từ Nhà ông Hải Nhàn đến UBND xã Quất Lưu (cũ)			5.600	3.400	1.400	3.900	3.000	900	3.100	2.400	700	21	75	14	286
33	Khu đất giãn dân Trường tiểu học cũ thôn Chũng			4.400			3.100			2.200						
34	Khu đất giãn dân Bãi trên xã Quất Lưu (cũ)			4.400			3.100			2.200						
35	Khu đất giãn dân cho cán bộ, chiến sỹ Sư đoàn 304			5.500			3.900			2.700						
36	Khu đất đấu giá, giãn dân, dịch vụ khu đồi Phổ			6.000			4.200			2.900						
37	Đường gom BigC (siêu thị Go)			10.400	6.200	2.600	7.900	5.500	1.600	6.200	4.200	1.200				
38	Khu đất Cán bộ công nhân viên Công ty vật liệu xây dựng Tam Đảo ở bãi chân chim			4.400			3.100			2.200						
39	Đường Vành Đai 2			7.100	4.500	2.000	5.000	3.200	1.400	3.500	2.200	1.000				

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ
40	Đường phân khu C1			7.100	4.500	2.000	5.000	3.200	1.400	3.500	2.200	1.000				
41	Khu đất dịch vụ, đấu giá Cổng Ngõ, Lò Vôi, Gò Văn	Đối với các ô tiếp giáp đường 13,5 m		14.000			9.800			6.900						
		Đối với các ô tiếp giáp đường 10,5 m		12.000			8.400			5.900						
		Đối với các ô tiếp giáp đường 16,5 m		17.000			11.900			8.300						
42	Khu đất cho cán bộ CNVC công ty CP nông sản thực phẩm và bao bì Vĩnh Phúc			4.400			3.100			2.200						
43	Tỉnh lộ 302 Đoạn thuộc địa phận xã Tam Hợp (cũ), từ ngã 3 Chợ Nội đến giáp xã Hương Sơn cũ (trừ các ô đất Khu giãn dân đồng Lá Bêu và Khu TĐC, dịch vụ, đấu giá QSD đất Đồng Mạ - Hóc Áng)			8.000	5.300	1.400	6.800	4.700	1.100	5.400	3.500	800	37	218; 239	13	244
44	Tỉnh lộ 302B (Hương Canh Trung Mỹ)	Đoạn từ tiếp giáp TT Hương Canh (cũ) đến nhà ông Long Vĩnh, ngã ba chợ Nội		8.100	4.900	2.000	4.700	4.100	1.600	3.500	3.100	1.200	37	286; 290	37	222; 232
		Đoạn từ nhà ông Lê Nghị đến hết đất trạm Y tế xã Tam Hợp (cũ)		6.300	3.800	1.600	4.000	3.000	1.200	3.000	2.300	900	37	207; 362	33	29;31
		Đoạn từ giáp Trạm y tế xã Tam Hợp (cũ) đến cầu hàm Rồng		4.100	2.500	1.100	3.400	2.200	900	2.700	1.700	700	33	29;31	22	29;76
		Đoạn từ cầu Hàm Rồng đến hết địa phận xã Tam Hợp cũ (giáp xã Bá Hiến cũ)		11.300	6.800	2.800	3.300	3.000	2.200	2.600	2.300	1.700	22	34	24	87
45	Đường từ ngã 3 thôn Hữu Bằng (nhà ông Thân Xuyên) đến hết địa phận xã Tam Hợp (cũ) giáp xã Thiện Kế (cũ)			4.000	1.600	1.100	2.000	1.000	800	1.000	800	600	24	218; 157	15	542; 535
46	Đường từ trạm Y tế xã đi đến cổng Tây thôn Nội Phật			2.500	1.500	1.100	1.600	1.100	900	1.200	800	700	28	31	28	478
47	Đường từ cổng Tây đi đến điểm tiếp giáp TL 302			2.100	1.300	1.100	1.200	1.000	900	950	800	700	28	821; 478	27	121; 512
48	Đường từ tỉnh lộ 302 đến giáp đất nhà ông Dũng (Loan)			2.500	1.500	1.100	1.600	1.100	900	1.200	800	700	20	891; 863	20	745; 806
49	Đường từ nhà ông Dũng (Loan) đi đến khu B Sư - đoàn 304			2.200	1.300	1.100	1.300	1.000	900	1.000	800	700	20	745; 806	19	624; 125
50	Đường TL 302B đến nhà ông Trí đi đường TL 302 xã Tam Hợp (cũ)			6.100	3.700	1.500	3.200	2.500	1.200	2.400	1.800	900	32	37;981	33	589; 632
51	Đường từ nhà bà Dung Văn đến nhà hộ ông Thọ (thôn Nội Phật)			6.100	3.700	1.500	1.400	1.200	1.000	1.100	1.000	900				
52	Đường từ cổng Xuôi (nhà ông Mãi) đến cổng Công Ty TNHH Hoa Cương			4.000	2.400	1.100	2.000	1.600	900	1.500	1.200	700	33	443;455	38	89
53	Đường từ tỉnh lộ 302 (ông bà Thế Nghiệp) đi ông Thình Huyền Ngoại Trạch 2			3.400	2.000	1.600	2.600	2.000	1.300	2.000	1.500	1.000	16	606	12	26;37
54	Từ tỉnh lộ 302B (ông Cường) đi nhà văn hóa Hàm Rồng (giáp trạm biến áp)			3.400	2.000	1.400	2.600	2.000	1.100	2.000	1.500	800	24	137;145	23	232;233
55	Khu giãn dân đồng Lá Bêu	Các thửa đất tiếp giáp tỉnh lộ 302		13.000			9.100			6.400			13	211	13	52
		Các thửa đất còn lại không tiếp giáp tỉnh lộ 302		10.400			7.300			5.100			13	76	13	130
56	Khu tái định cư khu Công nghiệp Thăng Long	Các thửa đất tiếp giáp đường từ cầu Hàm Rồng đến hết địa phận xã Tam Hợp cũ (giáp xã Bá Hiến cũ)		13.000			9.100			6.400			24	711	24	654
		Các thửa đất còn lại không bao gồm các thửa đất tiếp giáp đường từ cầu Hàm Rồng đến hết địa phận xã Tam Hợp cũ (giáp xã Bá Hiến cũ)		10.000			7.000			4.900						
57	Các thửa đất thuộc Khu TĐC, dịch vụ, đấu giá, giãn dân Gò Ngành			8.300			5.800			4.100			32	219;220	32	113
58	Khu đất dịch vụ, giãn dân, đấu giá QSD đất Đồng Mạ - Hóc Áng	Đối với các ô tiếp giáp tỉnh lộ 302		13.000			9.100			6.400			20	1052	20	1014
		Đối với các ô còn lại không tiếp giáp tỉnh lộ 302		10.400			7.300			5.100			20	1012	20	1051
59	Khu đất giãn dân cho cán bộ, chiến sỹ Sư đoàn 304 (không bao gồm các thửa đất tiếp giáp với đường có tên)			5.500			3.900			2.700			19	327	19	483
60	Đường từ nhà ông Tâm Loan đến nhà bà Đĩnh (thôn Chợ Nội)			3.300	1.500		2.300	1.100		1.600	800		32	382	32	417
61	Đường từ ngã 3 Cầu Hồ đến nhà ông Trí (thôn Nội Phật)			3.300	1.500		2.300	1.100		1.600	800		32	159	33	164
62	Đường từ nhà ông Tình Thái đi đến nhà ông Vân Thuyết (xóm Gò - thôn Hữu Bằng)			2.000	1.100		1.400	800		1.000	600		15	139	14	245
63	Đường từ nhà ông Tân Thịnh đi nhà ông Hùng Đàn (thôn Xuôi Ngành)			2.400	1.200		1.700	800		1.200	600		33	329	33	495
64	Đường từ TL 302 đi đến nhà ông Tuấn Thu, xóm Gò Ga, thôn Chợ Nội			3.300	1.800		2.300	1.300		1.600	900		37	236	37	23
65	Đường từ nhà ông Quỳnh Sinh đi đến nhà ông Hương Ám, xóm Gò Ga, thôn Chợ Nội			3.300	1.800		2.300	1.300		1.600	900		37	275	37	153
66	Đường từ nhà Khuyên Bằng đi đến nhà bà Thỉnh Toán (phía sau nghĩa trang Trần Hưng Đạo, thôn Ngoại Trạch 2)			2.000	1.200		1.400	800		1.000	600		20	119	13	292
67	Đường từ NVH thôn Ngoại Trạch 1 đi đến lò đốt rác			1.600	800		1.100	600		800	400		20	780	17	66
68	Đường từ nhà ông Hoàng Hồng đến nhà ông Thập Xây (thôn Hữu Bằng)			2.700	1.500		1.900	1.100		1.300	800		15	130	15	121
69	Đường từ nhà ông Huệ Nguyệt đến nhà ông Thật Cúc (thôn Hàm Rồng)			3.300	1.800		2.300	1.300		1.600	900		23	397	23	202
70	Đường từ nhà ông Lưu Hường đến nhà ông Kiên Tuyền (thôn Hàm Rồng)			3.300	1.800		2.300	1.300		1.600	900		23	291	23	419
71	Đường từ cổng Tây đến trường mầm non xã Tam Hợp (cũ)			3.300	1.800		2.300	1.300		1.600	900		28	821	33	164
72	Đường từ nhà ông Bảng Khuyên đến nhà Thỉnh Toán xã Tam Hợp (cũ) (không bao gồm các thửa đất Khu đất dịch vụ, giãn dân, đấu giá QD đất Đồng Mạ-Hóc Áng)			2.600	1.500		1.800	1.100		1.300	800		20	119	13	292
73	Đường từ nhà ông Thuỷ Hồng đến nhà ông Hưu Nga xã Tam Hợp (cũ) (không bao gồm các thửa đất tiếp giáp tỉnh lộ 302)			2.600	1.500		1.800	1.100		1.300	800		20	636	20	869
74	Đương từ nhà ông Dũng Thập đến nhà ông Soạn Tuyền thôn Hữu Bằng			2.300	1.500		1.600	1.100		1.100	800					

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ
75	Quốc lộ 2A (BOT) (Đoạn thuộc địa phận thị trấn Hương (cũ)			13.700	5.800	4.100	9.600	4.800	3.400	7.200	3.600	2.500	65	139	107	32
76	Quốc lộ 2A cũ, đoạn thuộc địa phận thị trấn Hương Canh (cũ)			21.900	7.000	5.900	12.800	4.800	3.300	9.600	3.600	2.500	57	214	93	267
77	Tỉnh lộ 303 , đoạn thuộc địa phận TT Hương Canh (cũ) đi TT Thanh Lãng (cũ)			7.200	4.300	1.900	4.700	3.800	1.500	3.500	2.900	1.100	93	281	97	248
78	Tỉnh lộ 302B (Hương Canh Trung Mỹ)	Đoạn từ QL2A (cũ) rẽ đến đường sắt thị trấn Hương Canh (cũ)		13.700	5.800	4.100	6.000	2.600	2.100	4.500	1.900	1.600	66	264	58	87
		Đoạn từ đường sắt thị trấn Hương Canh (cũ) đi xã Tam Hợp (cũ) thuộc phần đất của thị trấn Hương Canh (cũ)		13.700	5.800	4.100	6.000	2.600	2.100	4.500	1.900	1.600	58	78	58	18
		Đoạn từ đường ngang thị trấn Hương Canh (cũ) đi vào cụm công nghiệp Hương Canh		13.700	5.800	4.100	6.000	2.600	2.100	4.500	1.900	1.600	58	78	59	20
79	Đoạn đường Hương Canh - Tân Phong, đoạn từ cổng chợ Cánh đến đườngQL2 (BOT)			13.700	5.800	4.100	6.000	2.600	2.100	4.500	1.900	1.600	76	40	76	556
80	Đường Hương Canh - Sơn Lôi: Đoạn từ QL2A (cũ) đến giáp địa phận xã Sơn Lôi(cũ)			10.800	6.500	3.800	6.600	4.200	2.700	5.000	3.200	2.000	76	287	80	202
81	Mạng đường xanh từ cổng Chợ Cánh đến điểm tiếp giáp với khu giãn dân đồng rau xanh (cổng cầu)			6.000	4.800	3.600	3.500	3.500	2.500	2.600	2.600	1.800	76	557	87	169
82	Đường từ QL2A cũ (Chi cục thuế cũ) đến Đình Hương Canh			7.000	4.500	3.900	3.000	2.300	1.900	2.200	1.800	1.400	93	5	86	618
83	Đường từ QL2A (cũ) đi vào Huyện đội Bình Xuyên (cũ) đến hết địa phận Trường Tiểu học B - Hương Canh			7.100	5.100	4.200	4.500	4.000	2.900	3.400	3.000	2.200	66	282	66	822
84	Đường từ QL 2A (cũ) đi vào Ga Hương Canh			6.000	3.000	1.800	4.400	2.800	1.500	3.300	2.100	1.200	66	221	57	52
85	Đoạn từ QL 2A cũ vào đến giáp khu Trung tâm thương mại Hương Canh			12.200	4.900	3.600	8.400	3.000	2.100	6.300	2.200	1.600	66	271	66	435
86	Khu dân cư tự xây Vườn Sim + Đồng Rau Xanh	Mặt đường 22,5 m		16.500			8.700			6.600						
		Mặt đường 19,5 m		14.900			6.500			4.800						
		Đường 13 m có mặt tiền đối diện khu công cộng		9.900			6.400			4.800						
		Đường 13 m còn lại		8.000			4.700			3.600						
87	Khu dân cư giáp ranh vành đai đường 19,5 m (đoạn từ Cổng Cầu đến hết trường Cấp 2 Hương Canh)			5.300			2.900			2.200						
88	Khu dân cư giáp ranh vành đai đường 13,0 m (đoạn từ nhà bà Sâm Vững đến Cổng Cầu)			3.500			2.100			1.600						
89	Khu Đồng Cang - Cầu Cà	Đường 22,5 m		16.500			8.700			6.600						
		Đường 13,5 m		9.900			6.400			4.800						
		Đường 10,5 m		8.000			4.800			3.200						
		Đường 7,0 m		6.500			4.100			2.400						
90	Khu dân cư giáp ranh vành đai đường 13,5 m (đoạn từ nhà ông Hùng Sơn đến Cổng Cầu)			9.900			6.400			4.800						
91	Khu dân cư giáp ranh từ đường 22,5 m đến đường 13,5 m (đoạn từ nhà ông Hải Tám đến ông Xuân Nguyên) Thị Trấn Hương Canh (cũ)			9.900			6.400			4.800						
92	Khu dân cư tự xây Cửa Đồng	Các ô tiếp giáp với đường Quốc lộ 2A (BOT)		13.700			9.600			7.200						
		Các ô còn lại không tiếp giáp với đường Quốc lộ 2A (BOT)		10.000			5.800			4.400						
93	Khu đất thuộc Trung tâm thương mại (Thị trấn Hương Canh cũ)			12.200			8.400			6.300						
94	Khu quy hoạch Miếu Thượng (Không bao gồm các lô tiếp giáp đường TL 303)			6.000			3.400			2.500						
95	Khu dân cư Đồng Sậu và khu Gò Vị			1.500			1.100			800						
96	Đường từ Cầu Số đến Quốc lộ 2 BOT			8.000	3.800	1.600	4.200	2.200	900	3.200	1.700	700				
97	Khu đất đấu giá, dịch vụ Mã Bằng - Đầm Mốt	Đối với các ô tiếp giáp đường 19,5 m		16.500			11.600			8.100						
		Đối với các ô tiếp giáp đường 13,5 m		9.900			6.900			4.800						
		Đối với các ô tiếp giáp đường 13,0 m		8.000			5.600			3.900						
98	Đường từ Đình Hương đến giáp khu Đồng Cang - Cầu Cà			7.200	5.800	4.300	5.000	4.100	3.000	3.500	2.900	2.100				
99	Khu tái định cư Logictic	Đường 24m		13.200			9.200			6.400						
		Đường 13,5m		11.000			7.700			5.400			86	618	87	518